

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **19/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 07-4-2021

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Ngọc Sanh

Ông Trần Đại Nghĩa

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hà Văn Tuấn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2021, tại Hội trường B - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 113/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2020, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Tuyết D sinh năm 1988

(Vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Thế H

sinh năm 1982

(Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 89/4D, ấp T, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 9 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Tuyết D trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tuyết D và anh Phạm Thế H quen biết, tìm hiểu và yêu nhau được khoảng hai năm thì tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/6/2009.

Theo chị D, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng bảy năm nhưng đến năm 2016 thì anh H vi phạm pháp luật và bị xử phạt tám tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Sau khi chấp hành án xong, anh H chỉ ở nhà được khoảng vài tháng rồi tự ý bỏ nhà đi, anh H đi đâu và làm gì thì chị D không rõ, chỉ thì thoảng anh H về thăm con. Suốt ba năm trở lại đây anh H không phụ giúp chị D khoản chi phí nào để lo cho con cái và vợ chồng cũng không ai còn quan tâm đến ai, không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng. Nay chị D nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Thế H.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Phạm Thái H1, sinh ngày 08/3/2010 và cháu Phạm Như Q, sinh ngày 07/02/2012, hiện các con chung đang sống với chị D. Khi ly hôn, chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Tuyết D khai tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Tuyết D khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Thế H vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, cả nguyên đơn và bị đơn đều không đến tham dự phiên tòa, tuy nhiên nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tuyết D được ly hôn với anh Phạm Thế H.

+ Về con chung: Giao cháu Phạm Thái H1 và cháu Phạm Như Q cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị D không yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Buộc chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn yêu cầu ly hôn và tranh chấp về người trực tiếp nuôi con chung, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Theo kết quả xác minh, hiện bị đơn đang cư trú tại xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về việc xét xử vắng mặt các đương sự:* Tại phiên tòa, cả nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt nhưng nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Tuyết D và anh Phạm Thế H tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/6/2009 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, nhận thấy: Chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, chị D và anh H đã không còn sống chung với nhau, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình; mặc dù sự việc này không được anh H thừa nhận nhưng lời khai của chị D phù hợp với kết quả xác minh ngày 07/01/2021 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện T: “... *Hiện nay hai vợ chồng chị D và anh H đã ly thân khoảng ba năm nay... được biết anh H không thường xuyên ở nhà nhưng anh H vẫn về nhà để thăm con*”. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải để kêu gọi vợ chồng về đoàn tụ gia đình nhưng anh H đều vắng mặt thể hiện anh H không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị D. Xét mâu thuẫn giữa chị D và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị D là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.2] *Về con chung:* Chị D và anh H có hai con chung là cháu Phạm Thái H1, sinh ngày 08/3/2010 và cháu Phạm Như Q, sinh ngày 07/02/2012.

Xét yêu cầu của nguyên đơn khi ly hôn được trực tiếp nuôi con chung, nhận thấy: Hiện chị D là người trực tiếp nuôi các con chung và yêu cầu của chị D phù hợp với nguyện vọng của con chung. Do đó, để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con trẻ nên cần tiếp tục giao con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] *Về cấp dưỡng*: Chị D hiện có nơi ở, công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để chăm sóc cho các con chung. Mặc dù đã được Tòa án giải thích pháp luật về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng chị D vẫn không yêu cầu nên tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị D xác định vợ chồng không có nợ chung, về tài sản chung chị D khai tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh H vắng mặt không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Trường hợp các đương sự không tự thỏa thuận được và có yêu cầu thì được quyền liên hệ với Tòa án có thẩm quyền để khởi kiện bằng một vụ kiện khác về tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn.

[3] **Về án phí**: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] **Về quyền kháng cáo**: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Tuyết D.

1. *Về hôn nhân*: Xử cho chị Nguyễn Thị Tuyết D và anh Phạm Thế H được ly hôn.

2. *Về con chung*:

2.1 Giao cháu Phạm Thái H1, sinh ngày 08/3/2010 và cháu Phạm Như Q, sinh ngày 07/02/2012 cho chị Nguyễn Thị Tuyết D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

2.2 Tạm thời anh Phạm Thế H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Thị Tuyết D không yêu cầu.

2.3 Anh Phạm Thế H được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Tòa án không giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Tuyết D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 0006354 ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- CC THADS huyện Thống Nhất;
- UBND xã G, huyện T;
- (GCNKH số 66, quyền 01/2009)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thùy Trang